TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 26/7/2023
V/v tranh chấp: "*Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: + Bà Lưu Thị Thu Thủy;

+ Bà Hoàng Thị Thơ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hà Phan – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09/6/2023 về việc tranh chấp: "*Xin ly hôn"*

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 69/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 627/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 388 ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Dương Khải M, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 388 ấp T, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang..

Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Dương Khải M.

(Bà H có đơn xin vắng mặt, ông M có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Bà H và ông Nguyễn Dương Khải M qua thời gian tìm hiểu quen biết nên đã

xác lập quan hệ hôn nhân năm 1990 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống, thời gian đầu hôn nhân giữa bà H và ông M hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì giữa bà H và ông M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông M.

-Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Dương Tùng V sinh năm 1994 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nếu có tranh chấp sẽ yêu cầu sau.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Dương Khải M trình bày: Ông M thống nhất lời trình bày của bà H về thời điểm chung sống và đăng ký kết hôn. Từ khi kết hôn đến nay ông M và bà H không có mâu thuẫn. Hiện vợ chồng vẫn còn đang chung sống.

Nay về hôn nhân bà Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn ông không đồng ý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Dương Tùng V sinh năm 1994 (đã trưởng thành)

- Về tài sản chung: ông M và bà H có tài sản chung gồm:

1. Diện tích đất 81,6m2 trên đất có căn nhà cấp 4 diện tích xây dựng 81,6m2 theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở ở quyền sử dụng đất ở số 12738 cấp cho ông Nguyễn Dương Khải M và bà Nguyễn Thị Thu H cùng đứng tên ngày 07/4/2004.

2. Diện tích đất 128,4m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 04379 cấp ngày 24/8/2004 do bà Nguyễn Thị Thu H đứng tên

Tại biên bản hòa giải ngày 13/3/2023 ông M trình bày sẽ nộp đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày hòa giải.

- Về nợ chung: Không có.

*Bản án hôn nhân sơ thẩm số 69/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

-Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Dương Khải M.

-Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Dương Tùng V sinh năm 1994 (đã trưởng thành)

-Về tài sản chung: Chưa có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 28/4/2023, ông có đơn kháng cáo với nội dụng: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 69/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Tại phiên tòa phúc thẩm: ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: là không đồng ý ly hôn. Bà H có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện ông Nguyễn Dương Khải M yêu cầu xin ly hôn là đúng theo qui định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Ông M kháng cáo không đồng ý ly hôn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Dương Khải M qua thời gian quen biết và tìm hiểu nên đã xác lập quan hệ hôn nhân năm 1990, đến năm 2003 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống, thời gian đầu hôn nhân giữa bà H và ông M hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì giữa bà H và ông M phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ đó đến nay. Ông Nguyễn Dương Khải M trình bày giữa ông M và bà H không có mâu thuẫn, chỉ vì lý do vào năm 2019 do tức giận ông M có đánh bà H một bạt tay từ đó bà H cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn, gần đây bà H tự ý bỏ nhà ra bên ngoài

sinh sống. Cấp sơ thẩm chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông M, ông M không đồng ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng, ông bà xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 1990 ,đến năm 2003 có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Hiện nay theo bà H trình bày giữa bà H và ông M mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, hiện bà H đã bỏ nhà ra bên ngoài sinh sống nên hôn nhân giữa bà H và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, từ đó đến nay ông M cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông M không đưa ra được giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, không chấp nhận kháng cáo của ông M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.2]. Về con chung: Tên Nguyễn Dương Tùng V, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông M không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Dương Khải M.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số số 69/2023/HNGĐ-ST ngày 19/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Dương Khải M.

1.2: Về con chung: Tên Nguyễn Dương Tùng V, sinh năm 1994, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

1.3 Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

2/ Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023268 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Dương Khải M phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023750 ngày 28/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, xem như đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Ngoan.